

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.
2. Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: - Lưu Thị Bé T, sinh năm 1995.

- Đoàn Trần T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Chị C có mặt; chị T và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:**

Chị Nguyễn Thị C cho chị Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 15/7/2022 âm lịch, chị C cho chị T và anh T vay 30.000.000 đồng; thời hạn trả tiền 90 ngày.

- Ngày 29/7/2022 âm lịch, chị C cho chị T và anh T vay 20.000.000 đồng; thời hạn trả tiền 90 ngày.

- Ngày 16/8/2022 âm lịch, chị C cho chị T và anh T vay 30.000.000 đồng; thời hạn trả tiền 90 ngày.

- Ngày 24/8/2022 âm lịch, chị C cho chị T và anh T vay 20.000.000 đồng; thời hạn trả tiền 90 ngày.

- Ngày 15/12/2022 âm lịch, chị C cho chị T và anh T vay 30.000.000 đồng; thời hạn trả tiền 30 ngày.

Tổng cộng chị C cho chị T và anh T vay 130.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận không quá 2%/tháng. Mỗi lần vay tiền, chị T và anh T đều có viết biên nhận. Chị C nhiều lần yêu cầu chị T và anh T trả tiền, nhưng không trả.

Chị C yêu cầu chị T và anh T trả cho chị C 130.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 28/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Ngoài ra, chị C không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.**

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Buộc chị Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C 130.000.000 đồng và tiền lãi; trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”; căn cứ, giải quyết theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Bị đơn chị Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, xét xử vắng mặt chị T và anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình yêu cầu của chị C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét thấy:

- Ngày 15/7/2022 chị C cho chị T và anh T vay 30.000.000 đồng; ngày 29/7/2022 chị C cho chị T và anh T vay 20.000.000 đồng; ngày 16/8/2022 chị C cho chị T và anh T vay 30.000.000 đồng; ngày 24/8/2022 chị C cho chị T và anh T vay 20.000.000 đồng; ngày 15/12/2022 chị C cho chị T và anh T vay 30.000.000 đồng; tổng cộng chị C cho chị T và anh T vay 130.000.000 đồng. Chị C nhiều lần yêu cầu chị T và anh T trả tiền, nhưng không trả. Chị C có cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị C là các bản chính bên nhận mượn tiền (bút lục 20 – 24) có chữ ký và chữ viết họ tên của chị Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T, thể hiện chị T và anh T có vay của chị C tổng cộng số tiền 130.000.000 đồng. Chị T và anh T đã được nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ, nội dung yêu cầu của chị C cho chị T và anh T, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ chị T và anh T đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị C. Do đó, chị C khởi kiện yêu cầu chị T và anh T liên đới trả 130.000.000 là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Xét về tiền lãi: Chị C yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng của số tiền 130.000.000 đồng, tính từ ngày 28/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2023 (03

tháng 28 ngày) là có cơ sở. Bởi lẽ, chị T và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên phải chịu trả tiền lãi. Chị C yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 130.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng 28 ngày = 8.488.152 đồng; nên chị T và anh T phải trả cho chị C số tiền lãi 8.488.152 đồng.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C: Buộc chị Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 138.488.152 đồng (trong đó tiền vốn 130.000.000 đồng và lãi là 8.488.152 đồng), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Chị T và anh T phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở một phần; nên chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
 - Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.
 - Buộc chị Lưu Thị Bé T và anh Đoàn Trần T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 138.488.152 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn một trăm năm mươi hai đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:
 + Chị T và anh T phải liên đới chịu 6.924.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 + Hoàn lại cho chị C tiền tạm ứng án phí 3.340.000 đồng theo biên lai số 0026904 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Chị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị T và anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu